

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH
PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: **12/2017/HSST**

Ngày: 23/11/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐBPủ, ngày 23 th, ng 11 n"m 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lò Văn Máng**

2. Bà **Lò Thị Dĩnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu** - là Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố ĐBPủ, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố ĐBPủ, tỉnh ĐBtham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **13/2017/HSST** ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Thanh Đ** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 07/10/1985 tại ĐB;

Nguyên quán: Xã TP, huyện TA, tỉnh CB;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Số nhà 160, tổ dân phố 03, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

Nghề nghiệp: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 11/12 phổ thông;

Tiền án: 04 về tội Trộm cắp tài sản;

Tiền sự: Không

Con ông: **Nông Văn T** và con bà: **Dư Thị N**

Trú tại: Số nhà 160, tổ dân phố 03, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**) Người bị hại: (vắng mặt)*

1. Ông **Vũ Đ M** - sinh năm: 1985, địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường NB, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB;

2. Bà **Nguyễn Thị P** - sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB;

3. Bà **Trần Thị P** - sinh năm 1963, địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB;

**) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: (vắng mặt)*

1. Ông **Mai Văn T** - sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ dân phố 25, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh LC;

2. Ông **Nguyễn Đ T** - Sinh năm 1974, địa chỉ: Đội 12B, xã TY, huyện ĐB, tỉnh ĐB;

3. Ông **Nguyễn Sơn H** - Sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn TG, xã TA, huyện ĐB, tỉnh ĐB.

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau”:

- Về Hình vi phạm tội của bị cáo

Lần 1: Trưa ngày 06 tháng 5 năm 2017, bị cáo đi bộ đến nhà chị Trần Thị P ở số nhà 37, tổ dân phố 11, phường NT, thành phố ĐBP quan sát thấy cửa nhà mở, trong phòng khách có một người nằm trên ghế ngủ, bị cáo lên vào lấy chiếc máy Hn điện hiệu Makita màu đỏ - đen để ở gần cửa, trị giá 1.750.000 đồng. Bị cáo mang chiếc máy Hn đi đến khu vực đội 15, xã TY, huyện ĐB thì gặp anh Nguyễn Đ T (trú tại đội 12, xã TY, huyện ĐB) bị cáo nói dối máy Hn của bị cáo và bán cho anh T với giá 1.500.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 02 giờ, ngày 24 tháng 5 năm 2017, Đ đi bộ đến lán tạm của gia đình chị Nguyễn Thị P ở tổ dân phố 2, xã TM lợi dụng sơ hở bị cáo vào lấy trộm chiếc máy Hn hiệu Riland màu xanh kèm dây Hn, trị giá 1.800.000 đồng, bị cáo mang máy Hn cất giấu ở bụi cây ven đường rồi đi về nhà ngủ. Sáng ngủ dậy bị cáo đi đến nh chị Trần Thị T ở Đội 15, xã TC, huyện ĐB xin làm thuê, thì gặp anh T đang Hn công cho nh chị T, anh T nói chiếc máy hôm trước mua không Hn được inox, bị cáo đặt vấn đề và mang máy Hn, dây Hn trên bán cho anh T với giá 1.000.000 đồng, anh T gửi luôn tại nhà chị T. Do không sử dụng đến anh T đã bán chiếc máy hiệu Makita cho anh Nguyễn Sơn H ở Thôn Trại Giồng, xã TA, huyện ĐB với giá 1.350.000 đồng.

Lần 3: Hồi 05 giờ 18 phút ngày 11/6/2017, bị cáo đi bộ đến trường Dân tộc nội trú ở tổ dân phố 10, phường TT, thành phố ĐBP, thấy anh Vũ Đ M đang ngủ trong phòng bảo vệ, bị cáo lên vào lấy trộm chiếc Ipad mini 4 màu vàng gold cùng dây nạp điện, trị giá 6.930.000 đồng của anh M cắm sạc để trên bàn mang về nh giấu. Do sợ bị phát hiện, bị cáo lên tỉnh LC bán chiếc Ipad cùng dây nạp cho anh Mai Văn T ở tổ 25, phường ĐP, thành phố LC, với giá 600.000 đồng, khi bán bị cáo nói dối anh T là Ipad của em gái đi học không sử dụng đến nên bán. Anh T đã bán màn hình Ipad cho người khách không quen biết được 800.000 đồng.

Hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ được 02 máy Hn cùng dây Hn và chiếc Ipad mini 4 màu vàng gold không có màn hình cùng dây nạp điện và 800.000

đồng (tiền T bán màn hình Ipad) trả cho các bị hại. Ngoài ra anh Mai Văn T tự nguyện bồi thường thêm cho anh M số tiền 3.700.000 đồng. Các bị hại đều không có yêu cầu gì khác.

Anh T đã trả cho anh H số tiền 1.350.000 đồng bỏ ra mua máy Hn của T.

Bị cáo nhờ mẹ đẻ là bà Dư Thị N trả lại cho anh Mai Văn T số tiền 600.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2.500.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Đ T, Cơ quan điều tra chưa trả lại được vì hiện tại anh T không có mặt tại nơi cư trú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Thanh Đ khai nhận:

Trong thời gian từ ngày 6/5/2017 đến ngày 11/6/2017 trên địa bàn tHnh phố ĐBPủ Nông Thanh Đ đã 03 lần trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá tài sản là 10.480.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người bị hại cũng khai nhận như sau: Chị Trần Thị P ở số nhà 37, tổ dân phố 11, phường NT, thành phố ĐBP, trưa ngày 06/5/2017, bị cáo Nông Thanh Đ lấy trộm chiếc máy Hn điện hiệu Makita màu đỏ - đen để ở gần cửa, trị giá 1.750.000 đồng. Ngày 24/5/2017, chị Nguyễn Thị P ở tổ dân phố 02, xã TM, thành phố ĐBP bị cáo Nông Thanh Đ lấy trộm một chiếc máy Hn hiệu Riland màu xanh kèm dây Hn, trị giá 1.800.000 đồng. Ngày 11/6/2017 bị cáo Nông Thanh Đ lấy trộm của anh Vũ Văn M ở trường dân tộc nội trú thuộc tổ dân phố 10, phường TT, thành phố ĐBP một chiếc Ipad mini 4 màu vàng gold cùng dây nạp điện, trị giá 6.930.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Thanh Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Thanh Đ đủ yếu tố cấu thành tội "***Trộm cắp tài sản***" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 66/QĐ-VKS-HS ngày 02 tháng 11 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB đã truy tố: bị cáo Nông Thanh Đ về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự.*

Xử phạt bị cáo Nông Thanh Đ từ **42 đến 48 tháng tĩ.**

- Trả lại cho anh Nguyễn Đ T số tiền là 2.500.000 đồng.

- **Áp dụng § 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 § 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án** bị cáo Nông Thanh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- *Ý kiến của những người bị hại: Tại phiên tòa vắng mặt nhưng họ đều có đơn xin xử vắng mặt, họ có ý kiến đã nhận lại tài sản bị cáo trộm cắp, tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.*

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo Nông Thanh Đ đã nhận thức được Hành vi của mình vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

“NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ”:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau”:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TPĐBP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Thanh Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian từ ngày 6/5/2017 đến ngày 11/6/2017 trên địa bàn thành phố ĐBP Nông Thanh Đ đã 03 lần trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá tài sản là 10.480.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nông Thanh Đ là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn trên địa bàn thành phố ĐBP. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt. Với hành vi trên, với tình tiết định khung trên bị cáo Nông Thanh Đ đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

... c) Tái phạm nguy hiểm;”

Bị cáo Nông Thanh Đ là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nông Thanh Đ phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”*** theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Qua phiên xét hỏi vụ tranh luận tại phiên tòa thì Ông Nguyễn Văn Đến (bị cáo) vi phạm Bộ luật Hình sự của Công an Nhân dân Việt Nam do bị bắt quả tang vi phạm quy định của pháp luật về an ninh trật tự, tuồng phàm chết do vi phạm quy định của pháp luật; nên theo quy định của pháp luật hình sự, bị cáo phải chịu hình phạt tù giam. Vì bị cáo vi phạm pháp luật hình sự nên bị cáo phải chịu hình phạt tù giam. Vì bị cáo vi phạm pháp luật hình sự nên bị cáo phải chịu hình phạt tù giam. Vì bị cáo vi phạm pháp luật hình sự nên bị cáo phải chịu hình phạt tù giam.

Ngày 25/12/2003 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã ĐBP, tỉnh LC xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản (đã xóa án tích).

Ngày 30/11/2004 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích).

Ngày 28/7/2009 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 09/3/2011 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 17/11/2011 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 12/7/2013 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (04 bản án trên đều chưa được xóa án tích).

Đã rất nhiều bản án dành cho bị cáo nhưng bị cáo không lấy đó mà làm bài học cho bản thân mà bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội.

Ngày 18/7/2017 Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐBP khởi tố, ngày 19/7/2017 bị bắt tạm giam về tội Trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ông Thanh Đ đã thành khẩn khai báo và tỏ ra biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Tự nguyện khai báo hành vi phạm tội trước đó chưa bị phát hiện. Hơn nữa mẹ bị cáo là người được Nhà nước tặng thưởng Huân chương vì sự nghiệp giáo dục. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt. Bị cáo Ông Thanh Đ đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do vậy bị cáo Ông Thanh Đ không phải chịu có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiốt phải xử lý bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội cải tạo, rèn luyện, cố gắng làm việc tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện thực tế thì thấy rằng bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, do vậy không có điều kiện để thi hành. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Những người liên quan đã mua tài sản và cho gửi tài sản đều không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Hiện cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản mà bị cáo trộm cắp trả cho những người bị hại, những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) gia đình bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra để trả cho ông Nguyễn Đ T (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Xét thấy việc trả lại số tiền trên cho ông T là đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử căn T trả cho ông T.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Nông Thanh Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bố bị cáo **Nông Thanh Đ phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”**

Áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Thanh Đ **30 (ba mươi) tháng tù giam**, Thêi h¹n tĩ tỠnh tỗ nguy b³/4t giam (nguy 19/7/2017).

2. Trả cho anh Nguyễn Đ T, trú tại đội 12B, xã TY, huyện ĐBSố tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2017 giữa Công an tHnh phố ĐBPủ và Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố ĐBPủ*).

3. Áp dụng §iỜu 99 Bé luỆt tè tōng h×nh sù và điểm a kho¶n 1 §iỜu 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định vỜ ụn phÝ, lỜ phÝ Toạ ụn buéc bị cáo Nông Thanh Đ phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. ụp dōng §iỜu 231 vµ 234 BLTTHS bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2017). Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

